

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING  
ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN SỚM**

Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học chính quy Trường Đại học Tài chính - Marketing thông báo kết quả xét tuyển vào đại học chính quy năm 2024 đối với các phương thức xét tuyển sớm như sau:

**1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức: 301)**

Thí sinh tra cứu danh sách đủ điều kiện trúng tuyển tại <https://dms.ufm.edu.vn/>

**2. Điểm trúng tuyển:** kèm theo bảng điểm trúng tuyển

**3. Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt (mã phương thức: 201)**

a) Diện xét tuyển 1: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có học lực Giỏi trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

b) Diện xét tuyển 2: Học sinh học đầy đủ và tốt nghiệp THPT năm 2024 tại các trường chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố/đại học có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên.

c) Diện xét tuyển 3: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trở lên hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên.

Ghi chú: Thí sinh chọn giải thưởng cao nhất đạt được trong 03 năm lớp 10, 11, 12 để đăng ký xét tuyển (ĐKXT); không áp dụng đối với học sinh đạt giải thưởng các kỳ thi Olympic cấp trường/tỉnh/thành phố, kỳ thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính Casio.

d) Diện xét tuyển 4: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có điểm tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục được phép cấp còn thời hạn hiệu lực tính đến ngày Trường nhận hồ sơ ĐKXT và học lực Khá trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

- Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo, và bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường xét ưu tiên theo thứ tự Diện xét tuyển từ 1 xuống 4 của Phương thức xét tuyển, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì áp dụng các tiêu chí phụ theo thứ tự điểm môn Toán, điểm/chứng chỉ tiếng Anh, kết quả bài thi SAT (nếu có) có điểm cao hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển:

**Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)**

Trong đó:

+Điểm xét tuyển, Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm trung bình môn tiếng Anh được nhân hệ số 2, sau đó quy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển về thang điểm 30 trước khi xét trúng tuyển bằng cách lấy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển của thí sinh nhân với 3, rồi chia cho 4.

+**Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

#### **4. Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn (mã phương thức: 202)**

- Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo, và bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường áp dụng các tiêu chí phụ theo thứ tự điểm môn Toán, điểm/chứng chỉ tiếng Anh, kết quả bài thi SAT (nếu có) có điểm cao hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển: áp dụng tương tự theo quy định tại Phương thức 2.

#### **5. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM năm 2024 (mã phương thức: 402)**

- Điểm trúng tuyển đã bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường sử dụng tiêu chí xét tuyển ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển:

**Điểm xét tuyển = Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)**

Trong đó:

- + **Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực:** là điểm thí sinh đạt được tại kỳ thi ĐGNL do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2024, tính theo thang điểm 1.200.
- + **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

**6. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính - Marketing (mã phương thức: 404)**

- Điểm trúng tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành xét tuyển thuộc từng chương trình đào tạo (theo mã ĐKXT). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo (cùng mã ĐKXT).

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách vượt chỉ tiêu thì Trường sử dụng tiêu chí xét tuyển phụ theo thứ tự ưu tiên từ điểm cao xuống thấp của môn thi Toán, tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên trúng tuyển đối với thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển:

**Điểm xét tuyển = Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)**

Trong đó:

+ Điểm xét tuyển, Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+ Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển: là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 150 của từng môn thi của tổ hợp xét tuyển, làm tròn đến hai chữ số thập phân. Điểm bài thi Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên làm điểm trung bình cộng của các môn thi thành phần, làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Thí sinh được sử dụng kết quả thi cao nhất ở các đợt thi của Kỳ thi Đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) năm 2024.

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn thi tiếng Anh được nhân hệ số 2, sau đó quy Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển về thang điểm 450 trước khi xét trúng tuyển bằng cách lấy Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển của thí sinh nhân với 3, rồi chia cho 4.

+ **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm đối tượng từ 01 đến 04) là 30 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng từ 05 đến 07) là 15 điểm và mức điểm ưu tiên áp dụng cho KV1 là 11,25 điểm, KV2-NT là 7,5 điểm, KV2 là 3,75 điểm tương ứng với tổng điểm 3 môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo theo điểm 450.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực đối với thí sinh đạt Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển từ 337,8 trở lên được xác định theo công thức sau:

*Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực = [(450 - Tổng điểm tổ hợp tổ hợp xét tuyển)/112,5] x Mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương theo thang điểm 450.*

### **7. Các lưu ý đối với thí sinh trúng tuyển các phương thức xét tuyển sớm**

**a)** Để trúng tuyển chính thức vào Trường, thí sinh cần đạt các điều kiện sau:

- Có kết quả xét tuyển: Đủ điều kiện trúng tuyển.
- Tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của phương thức xét tuyển vào Trường.

- Đăng ký nguyện vọng vào ngành đủ điều kiện trúng tuyển của Trường trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia) theo thứ tự nguyện vọng mong muốn của cá nhân (cùng với các nguyện vọng đăng ký xét tuyển khác (nếu có)) **từ ngày 18/7/2024 đến 17 giờ ngày 30/7/2024**, và có tên trong danh sách trúng tuyển sau quá trình xử lý nguyện vọng theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các thông tin đã đăng ký xét tuyển sớm vào Trường phải bảo đảm tính chính xác, trung thực. Sau khi hậu kiểm, Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học đối với các trường hợp thông tin kê khai không trung thực, không chính xác, sai lệch (kiểm tra và đối chiếu với hồ sơ gốc của thí sinh và dữ liệu trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả học tập THPT, các hồ sơ minh chứng hưởng đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên, hưởng các chính sách ưu tiên tuyển sinh, các loại văn bằng, chứng chỉ).

**b)** Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) các năm trước (thí sinh tự do) nhưng chưa có tài khoản ĐKXT trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong thời gian **từ ngày 01/7/2024 đến ngày 20/7/2024** thí sinh phải liên lạc với Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương để có hướng dẫn đăng ký cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia)/.

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024  
ĐỐI VỚI PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN SỚM**

STT	MÃ ĐKXT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN						
				Phương thức 2				Phương thức 3	Phương thức 4	Phương thức 5
				Diện xét tuyển 1	Diện xét tuyển 2	Diện xét tuyển 3	Diện xét tuyển 4			
<b>I</b>	<b>Đại học</b>	<b>Chương trình chuẩn</b>								
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D96	27,5	24	24	26	28	850	250
2	7340115	Marketing	A00, A01, D01, D96	28,5	27	28	28	28,8	920	300
3	7340116	Bất động sản	A00, A01, D01, D96	26	22	22	25	27,5	700	250
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D96	28,5	25	26	28	28,8	900	250
5	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D96	28	23	23	27	28,5	880	280
6	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D96	27,5	23	23	27	28,2	850	250
7	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01, D96	28	24	24	27	28	850	250
8	7380107	Luật kinh tế	A00, A01, D01, D96	28	25	25	27	28,5	780	250
9	7310108	Toán kinh tế	A00, A01, D01, D96	27	24	24	26	27	800	250

STT	MÃ ĐKXT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN						
				Phương thức 2				Phương thức 3	Phương thức 4	Phương thức 5
				Diện xét tuyển 1	Diện xét tuyển 2	Diện xét tuyển 3	Diện xét tuyển 4			
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D72, D78, D96 (điểm bài thi tiếng Anh nhân hệ số 2)	27	24	24	26	27,2	780	250
11	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, D01, D96	27	21	21	26	27,5	850	250
12	7340205	Công nghệ tài chính	A00, A01, D01, D96	28	24	24	27	28	860	250
<b>II</b>	<b>Đại học</b>	<b>Chương trình đặc thù</b>								
1	7810103_DT	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D01, D72, D78, D96	26	21	21	26	27,2	750	
2	7810201_DT	Quản trị khách sạn	D01, D72, D78, D96	26	21	21	26	26,5	750	
3	7810202_DT	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	D01, D72, D78, D96	26	21	21	26	26,5	700	
<b>III</b>	<b>Đại học</b>	<b>Chương trình tiếng Anh toàn phần</b>								
1	7340101_TATP	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D96	26	24	24	26	27	700	230
2	7340115_TATP	Marketing	A00, A01, D01, D96	27	24	24	27,5	27,5	820	230

STT	MÃ ĐKXT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN						
				Phương thức 2				Phương thức 3	Phương thức 4	Phương thức 5
				Diện xét tuyển 1	Diện xét tuyển 2	Diện xét tuyển 3	Diện xét tuyển 4			
3	7340120_TATP	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D96	26,5	24	24	27	28	850	250
<b>IV</b>	<b>Đại học</b>	<b>Chương trình tích hợp</b>								
1	7340101_TH	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D96	24	24	24	24	26	700	250
2	7340115_TH	Marketing	A00, A01, D01, D96	28	22	22	26	28	800	250
3	7340301_TH	Kế toán	A00, A01, D01, D96	24	21	21	24	26,8	700	250
4	7340201_TH	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D96	26,5	21	21	26	26,8	700	250
5	7340120_TH	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D96	27	21	21	26	27,2	750	250

**Ghi chú:** Tổ hợp xét tuyển (\*) không áp dụng đối với các phương thức 4 và 5.